

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-PT

Ngày: 07-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo T.V.L do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị kháng nghị: **T.V.L** (B), sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.V.T và bà N.T.S; vợ: N.T.T; có 01 con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2015/HSPT ngày 30-6-2015 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội cố ý gây thương tích”; bị cáo tại ngoại; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại khu nghĩa địa của gia đình bà B.T.U tại ấp A, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre giáp ranh với xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, nằm xa khu dân cư, nên được các con bạc chọn làm địa điểm chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền.

Vào khoảng 13 giờ ngày 21/8/2019, anh em Đ.V.K và Đ.V.Knh đến tụ điểm

đánh bạc làm cái lặc tài xỉu cho T.V.L, T.V.Q, T.D.P, T.H.T cùng nhiều người khác đặt tiền, mỗi bàn đặt cao nhất không quá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho bên tài hoặc bên xỉu, K trực tiếp lặc, còn K1 thì chung chi tiền khi có kết quả thắng thua. Chơi đến khoảng 15 giờ cùng ngày, lực lượng Công an ập đến bắt quả tang, các con bạc quăng tiền xuống chiếu bạc bỏ chạy, còn K1, K, L, T.V.Q, T.D.P và T.H.T bị bắt tại chỗ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu tại chiếu bạc 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng.
- Thu trên người các con bạc 55.786.000 (năm mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn) đồng, gồm: Đ.V.K 21.000.000 đồng, Đ.V.Knh 7.820.000 đồng, T.V.L 1.850.000 đồng, T.V.Q 3.000.000 đồng, T.D.P 106.000 đồng, T.H.T 21.010.000 đồng.
- 01 đĩa sứ, 03 hột xí ngầu, 01 nắp nhựa.
- 01 tấm bạt nhựa có kích thước 03m x 2,08m.

Quá trình điều tra, các con bạc khai nhận về số tiền mang theo trong người như sau:

- Đ.V.K khai đem theo 25.000.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc, Kha đưa cho Đ.V.Knh 4.000.000 đồng để chung chi, còn 21.000.000 đồng bỏ túi quần thì bị thu giữ khi bắt quả tang.

- Đ.V.Knh khai đem theo 7.820.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc và bỏ trong túi quần. Do K đưa tiền chung chi nên chưa sử dụng tiền mang theo thì bị thu giữ khi bắt quả tang.

- T.V.L: Khai đem 2.600.000 đồng dùng để đánh bạc, lấy ra một số tiền chơi, còn 1.850.000 đồng để trong túi quần thì bị thu giữ khi bắt quả tang.

- T.V.Q khai đem theo 4.100.000 đồng, lấy ra 1.100.000 đồng cầm trên tay chơi đánh bạc, còn 3.000.000 đồng để trong túi quần không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi bắt quả tang, T.V.Q đang cầm 1.000.000 đồng trên tay thì bị thu giữ cùng với số tiền 3.000.000 đồng trong túi quần.

- T.D.P khai đem theo 2.000.000 đồng và chơi thua hết. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 106.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng Đ.V.K cho.

- T.H.T khai đem theo 21.310.000 đồng bỏ trong túi quần (túi quần bên phải 5.010.000 đồng, túi quần bên trái 16.300.000 đồng) không phải dùng đánh bạc mà đi tìm người quen đòi nợ nhưng không gặp nên tham gia chơi đánh bạc, mỗi lần đặt thì móc cọc tiền trong túi quần bên trái 16.300.000 đồng ra đặt tụ rồi bỏ lại vào túi quần, chơi được 02 bàn thua 300.000 đồng, khi móc cọc tiền 16.000.000 đồng ra dự định

đặt chơi tiếp bàn thứ 3 rồi nghỉ về thì bị Công an ập vào bắt quả tang liền bỏ cọc tiền 16.000.000 đồng vào túi quần bên trái nên bị thu giữ tổng cộng 21.010.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 16-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo T.V.L phạm “Tội đánh bạc”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.V.L số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13-8-2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị, đề nghị xét xử theo hướng không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T.V.L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên quyết định kháng nghị. Bị cáo cho rằng quên số tiền mang theo, số tiền tham gia đánh bạc và số tiền bị thu giữ trong người. Nhưng khi công bố các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận có khai và đồng ý lời khai về các số tiền đã khai.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.V.L phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội. Về hình phạt, bị cáo T.V.L đã từng bị xét xử về “Tội cố ý gây thương tích”, tuy đã được xóa án tích nhưng xem là có nhân thân không tốt; quá trình điều tra, bị cáo tự ý đi khỏi địa phương nên bị truy nã, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem là 02 tình tiết giảm nhẹ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt tiền đối với bị cáo là không đủ căn cứ và không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.V.L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về “Tội đánh bạc”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo tranh luận yêu cầu phạt tiền.

Lời nói sau cùng, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt do bị cáo bị thương, có mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-P7 ngày 13-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào ngày 21/8/2019 T.V.L có hành vi chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền trái phép cùng Đ.V.K, Đ.V.Knh, T.V.Q, T.D.P và T.H.T với số tiền dùng để đánh bạc thu tại chiếu bạc là 46.000.000 đồng và thu trong người của Đ.V.K 21.000.000 đồng, của Đ.V.Knh 7.820.000 đồng, của T.V.L 1.850.000 đồng, của T.H.T 16.000.000 đồng, của T.D.P 106.000 đồng, trên tay T.V.Q 1.000.000 đồng. Với ý thức, hành vi và số tiền mà bị cáo và những người khác dùng vào việc đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.V.L phạm “Tội đánh bạc” theo Điều 321 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Xét về định lượng và định khung hình phạt thấy rằng, số tiền thu tại chiếu bạc là 46.000.000 đồng thì người tham gia đánh bạc cùng chịu chung (với tính chất là đồng phạm) là có cơ sở, đối với số tiền thu riêng trong người của người tham gia đánh bạc có ý định sẽ dùng vào việc đánh bạc thì chỉ riêng người bị thu biết và sẽ sử dụng, người tham gia khác không thể biết được vì chưa xảy ra.

Theo khoản 4 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành”

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, khoản 3: “Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc bao gồm tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc; tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc” và khoản 4: “Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc được hướng dẫn tại khoản 3 Điều này”. Nghị quyết số 01/2010 có trước Bộ luật hình sự năm 2015.

Còn theo Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 tại Mục 13 Phần 1, giải đáp, có nội dung: *Đối với các bị cáo cùng đánh bạc với nhau (như đánh phỏm, đánh*

chấn, đánh liêng, đánh sâm...) thì căn cứ vào tổng số tiền thu trên chiếu bạc (tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc) để xem xét trách nhiệm hình sự; số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc là một trong những căn cứ để Tòa án xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lộc cho rằng không biết số tiền mà các con bạc khác sẽ dùng vào việc đánh bạc, nên số tiền mà các con bạc khác để trong người sẽ dùng vào việc đánh bạc thuộc trường hợp hành vi vượt quá của người thực hành (người tham gia đánh bạc khác). Với các quy định trên, theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì người phạm tội (con bạc) phải chịu chung số tiền thu tại chiếu bạc và tiền thu trên người của riêng mỗi con bạc sẽ được dùng để đánh bạc. Nên bị cáo Lộc không phải chịu về hành vi vượt của đồng phạm khác. Hành vi của bị cáo Lộc phải chịu là 46.000.000 đồng (*thu tại chiếu bạc*) và 1.850.000 đồng (*thu trên người của Lộc sẽ được dùng để đánh bạc*) là 49.850.000 đồng, dưới 50.000.000 đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) và do số tiền đánh bạc không lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kháng nghị đề nghị phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, thấy rằng, cấp phúc thẩm xác định bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp giấy ra viện chẩn đoán gãy xương bánh chè, xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, mẹ mất sức lao động. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thể hiện ăn năn hối cải, bị cáo đi biển nên không biết bị truy nã, khi hay tin cơ quan công an mời bị cáo ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo thuộc thành phần lao động làm thuê, bị cáo học vắn thắp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo tuy có bị Tòa án kết án nhưng thuộc hành vi phạm tội khác và đã được xóa án tích, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo yêu cầu phạt tiền, xét thấy phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền mà không nêu là hình phạt chính nên bổ sung cho đầy đủ.

Cấp phúc thẩm xác định bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự nên

không phải áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo và sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

[4] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo và sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

Tuyên bố bị cáo T.V.L phạm “Tội đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **T.V.L** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là hình phạt chính.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo T.V.L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (3b);
- VKSND huyện Ba Tri (1b);
- Công an huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã A, huyện Ba Tri (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tĩnh